

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2021/HS-PT
Ngày 23-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Tất Trình
2. Ông Vũ Văn Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị Diễm Th, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 135/2020/HS-ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Diễm Th; Sinh năm: 1965 tại Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: 132/5A X, Phường 4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn B và bà Nguyễn Thị G; Có chồng 1: Huỳnh Phát Đ và chồng 2: Bùi Tường T (đã ly hôn); Con: có 03 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 20/12/2017; Ngày 29/3/2019 áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa; Đến ngày 20/01/2020 bị tạm giam - Có mặt.

Người bào chữa:

Bà Trương Thị Hòa là Luật sư Văn Phòng luật sư Trương Thị Hòa, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trần Thị Diễm Th – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ ngày 22/3/2008, chị Võ Thị L đi xe máy hiệu Yamaha Ultimo biển số 43S6-9616 dừng trước số nhà 223 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, quận Tân Bình thì bị một thanh niên đi xe máy màu đỏ, chưa có biển số đi từ phía sau vượt qua cầm lọ axit tạt vào mặt chị L rồi lái xe chạy thoát. Chị L bị bỏng nặng được người dân đưa đi bệnh viện cấp cứu, điều trị thương tích.

Bản giám định y pháp số 919/TT.08 ngày 19/6/2008 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận Võ Thị L bị: “Bỏng axit độ II-III diện tích 4% vùng mặt, cổ, ngực và hai tay gây hoại tử ống tai ngoài và sụn vành tai trái, đã được điều trị cắt lọc ghép da, hiện vành tai trái bị co dúm, sẹo lồi xấu ảnh hưởng nặng đến thẩm mỹ; tỷ lệ thương tật toàn bộ 26% vĩnh viễn”. Công văn số 306/TTPY-GT.08 ngày 10/9/2008 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh: Thương tích của Võ Thị L chắc chắn để lại cố tật ở mức độ trung bình và ảnh hưởng thẩm mỹ nặng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập được các mảnh vỡ của lọ thủy tinh, nón bảo hiểm, khẩu trang, găng tay và áo của chị Võ Thị L bị cháy thủng đưa đi giám định, được biết hóa chất dính trên các mẫu vật trên là acid Sulfuric (H_2SO_4) tại Kết luận giám định số 957/KLGD-H ngày 28/7/2008 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả điều tra, Trần Thị Diễm Th là vợ ông Bùi Tường Trí, quá trình chung sống có những bất hòa nên cả hai sống ly thân và đã làm thủ tục xin ly hôn gửi Tòa án. Trong khi chờ Tòa án giải quyết, ông Trí có quan hệ tình cảm với chị Võ Thị L.

Đến khoảng tháng 3/2008, Trần Phúc T là em của Trần Thị Diễm Th, dẫn em họ là Lê Hoài Ph đến nhà của Th xin tiền thuê phòng. Th cho Ph 500.000 đồng và tạm thời cho Ph ở nhờ tại nhà 304/57A Đào Duy Anh (Hồ Văn Huê), Phường 9, quận Phú Nhuận, trong thời gian này Th thường kể tình trạng vợ chồng Th cho Ph biết. Sau đó, Th đưa một tấm hình của chị Võ Thị L nhờ Ph theo dõi nơi ông Trí đến quan hệ với L, Ph đồng ý và mượn xe máy của T để đi tìm hiểu. Để có phương tiện liên lạc, Th còn đưa cho Ph một điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng loại bật nắp và simcard thuê bao 0904.637.212, trong đó lưu sẵn hai số điện thoại di động một là tên “Ngà có số thuê bao 01683.977.966” (số này Trần Thị Diễm Th đã cho Đặng Thị Thanh Ngà trước đó) và một số thuê bao của Th là 0904.639.202. Th còn dặn Ph khi nào người tên Ngà gọi đến thì Ph tự xưng là Quang, Ngà có nói gì thì báo lại cho Th biết.

Cũng trong thời gian này, Trần Thị Diễm Th nhờ Phan Thị Bích Lê liên lạc và gặp được chị Đặng Thị Thanh Ngà là bạn của chị L vì có thời gian cùng làm chung tiệm tóc gần nhà Trần Thị Diễm Th, khi đi cùng Lê đến gặp Ngà thì Th chạy xe máy hiệu Attila màu đen. Ngà cho Th biết đã mất số điện thoại của

L nên không liên lạc được thì Th cho Ngà số điện thoại của L là 0903.104.282 để Ngà tìm và khuyên L giúp cho Th. Trần Thị Diễm Th cho Ngà một simcard số thuê bao 01683.977.966 để có gì Ngà gọi báo lại cho Th theo số thuê bao của Th là 0913.913.273. Qua nói chuyện với chị Ngà, Th biết chị L đang cần tìm thuê mặt bằng để mở tiệm làm tóc, Th nói có quen một người làm cò đất tên Quang và cho chị Ngà biết số điện thoại 0904.637.212 của Quang (tức Ph) để nhờ tìm mặt bằng giới thiệu cho L. Sau đó, chị Ngà điện thoại gặp Quang để nhờ, Quang nói chị Ngà kêu chị L liên lạc với Quang để Quang giới thiệu thuê mặt bằng. Chị Ngà nói lại với chị L biết, chị L sử dụng số thuê bao 0903.104.282 điện thoại cho Ph, Ph hẹn ngày giờ gặp và nói lại cho Th biết. Sau đó, Th chạy xe máy hiệu Attila màu đen dẫn Ph chạy xe máy của T cùng đi đến cửa hàng ở quận 10 (do không rành đường nên Ph không nhớ cụ thể cửa hàng) Th đưa tiền và Ph vào mua một lọ axit rồi nói Ph tạt axit vào mặt chị L cho xấu để ông Trí bỏ chị L.

Tiếp theo, Th dẫn Trần Phúc T đi mua một xe máy hiệu Symen màu đỏ số máy: SMHV-347302, số khung: NM7H-007302 tại cửa hàng bán xe máy số 36/9A Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, rồi nói T kêu Ph ra chạy xe này về nhà 304/57A Đào Duy Anh (Hô Văn Huê), Phường 9, quận Phú Nhuận cho Th (xe chưa có biển số). Đến khoảng 09 giờ ngày 22/3/2008, sau khi chị L điện thoại hẹn địa điểm, Ph sử dụng xe này đến nơi hẹn. Chị L chạy xe đến trước nhà số 223 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, quận Tân Bình dừng lại đợi Ph đến dẫn đi xem mặt bằng để thuê và điện thoại nói cho Ph biết địa điểm đang đứng đợi. Ph chạy xe dừng ở phần đường bên trái ngược chiều với chị L, xác định được vị trí chị L đứng, Ph điện thoại báo cho Th, Th khóc và tiếp tục năn nỉ Ph tạt axit chị L, Ph đồng ý chạy xe vòng ra phía sau hướng cùng chiều với chị L, dừng xe trước nhà số 235 Nguyễn Thái Bình và lấy lọ axit mở nắp ra sẵn, tay trái của Ph cầm lọ axit, tay phải điều khiển xe chạy từ phía sau lên ngang chỗ chị L đứng, tạt lọ axit qua phải hướng vào chị L làm chị L bị trúng chất axit la lên, Ph quăng lọ đựng axit xuống đường rồi lái xe chạy thoát, trên đường Ph tháo simcard số thuê bao 0904.637.212 trong điện thoại Samsung do Th đưa quăng mất, chạy xe đến quán cà phê Tuấn Ngọc số 57A Nguyễn Hồng, phường 11, quận Bình Thạnh gọi rồi đi về phòng trọ. Sau đó, theo lời dặn của Th, Ph đưa thẻ gọi xe cho chị Phạm Thị Minh Trang là vợ của Trần Phúc T để chị Trang lấy xe về đem đi đăng ký chủ sở hữu tại Công an quận Gò Vấp, xe được cấp biển số 54V2-1492, giấy đăng ký xe đứng tên chị Trang. Chị Trang khai được Th cho vợ chồng Trang chiếc xe máy trên. Điện thoại di động hiệu Samsung Th đưa cho Ph sử dụng, Th đến lấy lại và cho Ph 500.000 đồng tiêu xài hết. Lê Hoài Ph khẳng định thực hiện hành vi phạm tội theo yêu cầu của Trần Thị Diễm Th, vì chị L có quan hệ tình cảm với ông Bùi Tường Trí – chồng Th nên Th có ý định trả thù đã nhờ Ph tạt axit vào mặt nhằm để diện mạo của chị L xấu đi.

Trong quá trình điều tra, sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình làm việc với Đặng Thị Thanh Ngà thì Trần Thị Diễm Th kêu Ngà lại nhà để nói Ngà không khai với Công an về việc Th là người giới thiệu “Quang”

cò đất cho Ngà và kêu Ngà khai “Quang” cò đất là bạn trai của Ngà giới thiệu, đồng thời Th cho Ngà 720.000 đồng để Ngà lần tránh về quê và Th lấy lại simcard có số thuê bao 01683.977.966. Nhận thấy sự việc quá nghiêm trọng, Ngà chuẩn bị một máy ghi âm và ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa Th và Ngà về nội dung Th nói về tên “Quang” tức nói về Lê Hoài Ph và sau đó Ngà đem nộp nội dung ghi âm này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình.

Qua trung cầu giám định đĩa CD này được Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định kết luận tiếng nói trong đĩa ghi âm là tiếng nói của Đặng Thị Thanh Ngà và Trần Thị Diễm Th. Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại giữa Th nói với Ngà trong các đĩa ghi âm gửi giám định: có đoạn Th nói: “cô (tức Th) thật sự không biết thằng Quang” nhưng Th lại khẳng định Quang không liên quan đến vụ án tạt axit Th nói: “...cái con quỷ con L, có phải nó bị tui mày chơi nó, nó muốn gài cho cô và con. Chứ thực ra thằng Quang, cái thằng thỏ đất nó không liên quan gì đến cái chuyện này hết. Nhưng mà khổ cái mình không liên lạc được với nó nữa...”. Như vậy lời khai của Ngà khẳng định Th là người giới thiệu Quang cho Ngà để Ngà giới thiệu Quang cho L là có cơ sở, sau đó Quang (tức Ph) và chị L liên lạc với nhau qua điện thoại hẹn gặp nhau ở đường Nguyễn Thái Bình thì chị L bị Ph tạt axit.

Trước khi phiên tòa sơ thẩm ngày 12/10/2009, bà Th nộp cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình gồm: Tờ làm chứng xin khai lại do Trần Phúc T ký tên đề ngày 23/8/2009 gồm 02 tờ giấy (bản chính) và Đơn yêu cầu luật sư do bà Lư Thị Ngọc Anh (mẹ ruột của Ph) ký tên đề ngày 15/8/2009 (bản chính). Trong tờ làm chứng xin khai lại của T và đơn yêu cầu luật sư của bà Anh trình bày: ông Trí là chủ mưu thuê T và Ph tạt axit chị L rồi vu cho bà Th để bà Th sợ mà giao nhà đang tranh chấp cho ông Trí, ông Trí sẽ chia cho. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã tổ chức cho T và bà Anh đối chất với Th, bà Anh và T đều khai khi cả hai đến nhà Th số 304/57A Hồ Văn Huê, Phường 9, quận Phú Nhuận thì Th khóa cửa nhốt lại, Th bắt T viết tờ khai lại bà Anh ký đơn yêu cầu luật sư theo nội dung trong máy tính do Th soạn thảo sẵn và ký tên, Th cầm đi photo và quay về mở cửa, giao cho mỗi người 01 bản, Th giữ bản chính. Do đó lời khai của T và bà Anh cho rằng bị bà Th ép ký, viết 02 văn bản này là có cơ sở.

Lê Hoài Ph xác định Trần Thị Diễm Th là người chủ mưu nhờ Ph tạt axit chị Võ Thị L, đồng thời Trần Phúc T cũng xác định Trần Thị Diễm Th từng nhờ T theo dõi tạt axit Võ Thị L nhưng T từ chối và nói với Th làm như vậy là vi phạm pháp luật. Do đó để thoát tội, Trần Thị Diễm Th dựng ra chuyện kêu bà Anh và T lại nhà nói rằng đã thương lượng với L rồi kêu T viết tờ giấy “Tờ làm chứng và xin khai lại” có nội dung kẻ chủ mưu tạt axit là ông Bùi Tường Trí không phải Th. Quá trình điều tra, không có cơ sở xác định T và Ph có tiếp xúc với ông Trí để thỏa thuận gây thương tích cho bị hại như lời khai của Th.

Bản án số 220/2011/HSST ngày 30/8/2011 của Tòa án Nhân dân quận Tân Bình xét xử bị cáo Lê Hoài Ph về tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường

hợp gây cố tật nhẹ cho nạn nhân, phạm tội có tổ chức và có tính chất côn đồ được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (dẫn chiếu điểm b, e, i khoản 1 Điều 104) với mức án 04 năm 06 tháng tù, buộc Lê Hoài Ph bồi thường cho chị Võ Thị L số tiền 118.200.000 đồng. Đối với Trần Thị Diễm Th đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã ra quyết định truy nã số 11/QĐ ngày 13/07/2011, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 11/QĐ ngày 14/07/2011, khi nào bắt được sẽ điều tra, xét xử sau.

Ngày 20/12/2017, Công an thành phố Hà Nội bắt được Trần Thị Diễm Th theo quyết định truy nã số 11/QĐ ngày 13/07/2011 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Trần Thị Diễm Th khai nhận: năm 2011, Phạm Tín Dũng là con trai của Th bị tật nước sôi và bị bỏ chất lạ vào sữa, buộc Th phải rời khỏi nơi cư trú 304/57A Hồ Văn Huê, đưa cháu Dũng đi xa để tránh kẻ gian hại cháu Dũng. Th đi nhiều nơi, làm thuê kiếm sống nuôi cháu, Th sử dụng nhiều tên và không ai biết tên thật là Trần Thị Diễm Th. Đến ngày 20/12/2017, lúc Th ra Hà Nội để chữa bệnh (bệnh tiểu đường và cao huyết áp) tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương 2, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Th chỉ khám bệnh ở Hà Nội từ một đến hai ngày, rồi về làm tiếp công việc đang làm tùy thời điểm, tùy công việc và không có hợp đồng lao động. Trước khi bị bắt, Th ra khám bệnh ở phòng trọ tại nhà số 33, ngõ 157, Pháo Đài Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội do Nguyễn Thị Linh là người đăng ký thuê, Th không báo chính quyền địa phương; Th khai đã nhiều lần về trình diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với vụ việc tạt axit chị Võ Thị L ngày 22/3/2008 tại Nguyễn Thái Bình, Phường 4, quận Tân Bình, Trần Thị Diễm Th khai không có hành vi xúi giục Lê Hoài Ph tạt axit chị Võ Thị L. Th không có động cơ, mục đích đối với Võ Thị L, vì Th đơn phương ly hôn với ông Bùi Tường Trí từ năm 2004, đến năm 2006 được Tòa án Nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý giải quyết.

Qua xác minh, ông Nguyễn Ngọc Hồi có hộ khẩu thường trú tại nhà số 33, ngõ 157, Pháo Đài Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội trình bày: khoảng tháng 5/2017, Trần Thị Diễm Th có đến nhà ông Hồi thuê trọ và giới thiệu tên là Nguyễn Thị Luyến (không rõ năm sinh), đi cùng với Nguyễn Thị Linh và Phạm Văn Minh (con trai Luyến) đến thuê trọ. Nguyễn Thị Linh là người trực tiếp ký hợp đồng thuê nhà cho thuê ở và đăng ký tạm trú tại Công an Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội, cả ba người sống tại nhà thuê của ông Hồi. Đến tháng 12/2017, Công an thành phố Hà Nội bắt chị Luyến và thông báo Luyến tên thật là Trần Thị Diễm Th, sinh năm 1965 đang trốn truy nã. Sau khi Th bị bắt thì Linh và Minh cũng bỏ đi đâu không rõ.

Qua xác minh Nguyễn Thị Linh, sinh năm 1976 và Phạm Văn Minh, sinh ngày 01/8/2011 (con trai của Nguyễn Thị Linh) có hộ khẩu thường trú: Yên

Láng, Đại Từ, Thái Nguyên. Nguyễn Thị Linh và Phạm Văn Minh có đăng ký tạm trú tại nhà số 33, ngõ 157, Pháo Đài Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Qua làm việc, Trần Thị Diễm Th khai có đến trình diện tại Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chứng cứ việc Th đến Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện trong các đoạn ghi âm trong các thẻ nhớ điện thoại di động thu giữ của Th ngày 20/12/2017. Tuy nhiên, kết quả trích xuất dữ liệu trong các điện thoại di động thu giữ của Th có nội dung nhắn tin, ghi âm liên quan đến vụ án có các số thuê bao 0924.017.447 và 0923.101.844 trong danh bạ điện thoại thu giữ của Trần Thị Diễm Th. Xác minh chủ đăng ký thuê bao 0924.017.447 là Lương Văn Trung đăng ký sử dụng ngày 23/09/2012 và số 0923.101.844 là Bùi Bích Như đăng ký sử dụng ngày 07/03/2013 nhưng không cung cấp địa chỉ, số chứng minh nhân dân cụ thể, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình không cơ sở liên hệ làm việc được. Đối với các nội dung tin nhắn, các file ghi âm không chứng minh việc Trần Thị Diễm Th đã đến trình diện tại Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Xác minh mối quan hệ nhân thân giữa Trần Thị Diễm Th, Trần Phúc T và Lê Hoài Ph như sau:

+ Trích sao hồ sơ ông Trần Văn Bé kết quả không có tờ khai hộ khẩu của ông Trần Văn Bé do ông Bé mất đã lâu và hiện nay gia đình, con cái ông Bé không còn ai ở Trà Vinh nên không trích lục được hồ sơ của ông Trần Văn Bé.

+ Trích sao hồ sơ nhân khẩu của Lư Thị Ngọc Anh tại Công an huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, tờ khai nhân khẩu Lư Thị Ngọc Anh ngày 14/7/1998: Trần Văn Bé- sinh năm 1942 (chết) có quan hệ gia đình là anh. Lư Thị Ngọc Anh (mẹ ruột của Lê Hoài Ph) trình bày mối quan hệ giữa bà Anh và ông Trần Văn Bé (cha của Trần Thị Diễm Th) là anh em ruột cùng mẹ khác cha. Lê Hoài Ph cũng khai nhận ông Trần Văn Bé là cha ruột của Trần Thị Diễm Th và là cậu ruột của Ph, ông Bé cùng mẹ khác cha với mẹ của Ph là Lư Thị Ngọc Anh.

+ Trích sao hồ sơ nhân khẩu của Trần Thị Diễm Th tại Công an quận Phú Nhuận, tờ khai nhân khẩu ngày 20/02/1998: Trần Văn Bé, sinh năm 1938 có quan hệ gia đình là cha và Trần Thị Gương, sinh năm 1945 có quan hệ gia đình là mẹ, Trần Phúc T, sinh năm 1975 là em. Tuy nhiên, qua làm việc với Trần Thị Diễm Th khai nhận không biết Th là con ruột hay con nuôi của ông Trần Văn Bé và khẳng định bà Trần Thị Gương là mẹ kế, bị can Th không nhớ rõ năm sinh của ông Bé và bà Gương. Việc bị can Th khai trong tờ khai nhân khẩu nêu trên là do Th ghi để hoàn tất thủ tục nhập khẩu khi Th chuyển hộ khẩu từ Trà Vinh lên Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy Th có quan hệ họ hàng với Lê Hoài Ph mặc dù trước đây qua làm việc bị can Th khai nhận không quen biết với Lê Hoài Ph và bà Lư Thị Ngọc Anh.

Qua làm việc với Võ Thị L, Bùi Tường Trí, Đặng Thị Thành Ngà, Phạm Thị Minh Trang, Lư Thị Ngọc Anh vẫn giữ nguyên lời khai ban đầu không có

thay đổi lời khai. Bị hại Võ Thị L tiếp tục có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Thị Diễm Th là người chủ mưu tạt axit vào ngày 22/03/2008 tại trước số 223 Nguyễn Thái Bình, phường 4, quận Tân Bình.

Đối với Trần Phúc T, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 13/7 Nguyễn Văn Lượng (số mới 61/28 Thống Nhất), phường 11, quận Gò Vấp, hiện T đã chuyển đến nơi khác sinh sống (không rõ địa chỉ nơi đến) từ năm 2013. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đăng báo liên hệ làm việc với Trần Phúc T nhưng đến nay chưa có kết quả.

Đối với Lê Hoài Ph trình bày vẫn giữ nguyên lời khai và khẳng định chính Trần Thị Diễm Th là người xúi giục Ph tạt axit chị L như đã khai nhận trước đây và tại Tòa án Nhân dân quận Tân Bình trong phiên tòa xét xử. Vào đầu năm 2008 từ quê Trà Vinh lên Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm, Ph đến nhà Trần Thị Diễm Th được Th cho ở nhờ và nghĩ rằng Th là chị bà con cô cậu ruột với mình nên Ph tin tưởng Th và thấy thương Th khi nghe Th khóc lóc kể về chuyện ông Bùi Tường Trí nghe lời Võ Thị L về đánh đập và đòi ly hôn với Th, vì vậy Ph nghe lời của Th tạt axit Võ Thị L giúp cho Th mà không nhằm mục đích hưởng tiền bạc hay quyền lợi gì. Về hành vi tạt axit gây thương tích cho chị Võ Thị L, Lê Hoài Ph đã chấp hành xong án phạt tù ngày 31/8/2012, đối với bồi thường dân sự là 118.200.000 đồng thì Ph chưa thi hành án do Ph làm thuê và công việc không ổn định.

Xác minh kết quả thi hành bản án số 220/2011/HSST ngày 30/08/2011 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình: Lê Hoài Ph chấp hành xong án phạt tù ngày 31/8/2012, đối với bồi thường cho bà Võ Thị L là 118.200.000 đồng, kết quả xác minh Lê Hoài Ph không có tài sản để thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã trả đơn yêu cầu thi hành án cho bà Võ Thị L.

Trần Thị Diễm Th khai nhận có sử dụng một chiếc xe gắn máy nhưng không nhớ là loại xe gì có biển số là 5208, không nhớ số đầu và Th khai đã bán xe này trước khi xảy ra vụ việc tạt axit L và khai không có liên lạc với Đặng Thị Thanh Ngà và Phan Thị Bích Lê. Ngà và Lê đến tìm Th để liên hệ thuê mặt bằng vào khoảng tháng 4/2008. Kết quả xác minh xe máy hiệu Attila màu đen biển số 51R1-5208, số máy VMM9BCD011070, số khung RLG125DD5D011070 do Trần Thị Diễm Th đăng ký chủ sở hữu ngày 14/9/2005, phù hợp với lời khai của Đặng Thị Thanh Ngà và Phan Thị Bích Lê là trước khi xảy ra vụ án tạt axit chị L thì Trần Thị Diễm Th đã có liên hệ với Lê tìm gặp Ngà với lý do Th nói với Lê là muốn lấy lại mặt bằng để mở quán cà phê tại nhà và bảo Ngà về phụ bán quán cà phê cho Th. Do Th từ lâu đã không liên lạc qua lại với Ngà và không có số điện thoại của Ngà khi tiệm uốn tóc Thanh Hà không còn hoạt động, nên Th gặp Lê nhờ liên hệ với Ngà, lúc này giữa Lê và Ngà vẫn còn liên lạc qua điện thoại, Ngà đang là nhân viên phụ bán quán cà phê tại quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi Lê liên lạc được với Ngà thì tối hôm đó, Th điều khiển xe máy Attila màu đen của Th (Lê và Ngà

không nhớ biển số) cùng đi với Lê chạy xe máy của Lê, cả hai đến quán cà phê nơi Ngà làm việc ở quận 12 gặp Ngà. Ngoài ra, còn phù hợp lời khai của Lê Hoài Ph về việc Th sử dụng xe máy Attila màu đen (không rõ biển số) đi cùng Ph mua axit.

Quá trình điều tra, Trần Thị Diễm Th không thừa nhận là kẻ chủ mưu tạt axit Võ Thị L, nhưng căn cứ vào tài liệu thu thập được qua điều tra: lời khai của Đặng Thị Thanh Ngà, Phan Thị Bích Lê đều phù hợp với nhau về tình tiết Th nhờ Lê liên lạc với Ngà để Th gặp Ngà là trước thời điểm xảy ra sự việc tạt axit chị L, lời khai của Lê Hoài Ph, Đặng Thị Thanh Ngà, Võ Thị L đều phù hợp với nhau về tình tiết tên “Quang cùng các số điện thoại di động liên lạc giữa Th – Ph; Th – Ngà; Ngà – Ph; Ngà – L; Ph – L trong thời gian xảy ra vụ án cùng kết luận giám định đĩa CD về nội dung cuộc nói chuyện giữa Th – Ngà trong đó xác định lời nói của Trần Thị Diễm Th khi nói về tên “Quang”. Ngoài ra, “Tờ làm chứng và xin khai lại” của Trần Phúc T; lời khai của Lư Thị Ngọc Anh, Trần Phúc T, Nguyễn Thị Hồng Nhung đều có nội dung đổ tội chủ mưu tạt axit cho ông Bùi Tường Trí theo kịch bản do Trần Thị Diễm Th dựng ra nhằm chạy tội chủ mưu cho mình. Do vậy, đủ cơ sở kết luận Trần Thị Diễm Th là chủ mưu tổ chức cho Lê Hoài Ph là người thực hiện hành vi tạt axit Sulfuric (H_2SO_4) gây thương tích cho Võ Thị L.

Ngày 25/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định trưng cầu giám định số 43/QĐ về giám định tâm thần đối với Trần Thị Diễm Th. Ngày 11/3/2019, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận giám định pháp y tâm thần số 110/KL-VPYTW đối với Trần Thị Diễm Th:

- Về y học: Trước, trong và sau khi gây án: Trần Thị Diễm Th bị bệnh Rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định (F60.3-ICD.10);

Tại thời điểm giám định: Trần Thị Diễm Th bị bệnh Rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/ Rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định (F43.22/F60.3 –ICD.10)

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án: Trần Thị Diễm Th bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại thời điểm giám định: Trần Thị Diễm Th mất năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh một thời gian, khi ổn định sẽ tiếp tục làm việc với cơ quan pháp luật.

Ngày 29/3/2019, Trần Thị Diễm Th được đưa đi chữa bệnh bắt buộc tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa.

Ngày 27/12/2019, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 715/KLBB-VPYTW đối với Trần Thị Diễm Th: Bị bệnh Rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/ Rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định

(F43.22/F60.3 –ICD.10). Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều bị bắt buộc nữa. Trần Thị Diễm Th đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Vật chứng vụ án:

+ Thu tại hiện trường của Võ Thị L: 01 đôi bao tay bằng thun màu vàng nhạt bị cháy xém, 01 khăn bịt mặt caro màu xanh bị cháy xém, 01 mũ bảo hiểm màu trắng bị cháy xém, 01 áo thun dài tay màu đen bị cháy xém và một số mảnh thủy tinh màu trắng.

+ Một xe gắn máy Yamaha Mio màu đen biển số 43S6-9616 đã trả cho bị hại chị Võ Thị L.

+ Số tiền 720.000 đồng của Đặng Thị Thanh Ngà; một đĩa CD màu vàng bên ngoài có chữ Neo DVC CD-R, Compad Disc Recordble; một đĩa CD màu vàng bên ngoài có hiệu Maxell MQ-CD R80MQ; ba simcard.

Đã giải quyết xong tại bản án số 220/2011/HSST ngày 30/08/2011 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Vật chứng đã được liệt kê tại nhập kho vật chứng số 173/PNK ngày 08/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình gồm:

+ 01 xe máy biển số 54V2-1492, số máy VHLFM152FMH-V347302, số khung RNMWCHSMN7H-007902 (đây là phương tiện Lê Hoài Ph sử dụng đi gây án) do chị Phạm Thị Minh Trang đứng tên chủ sở hữu; chị Trang trình bày Trần Thị Diễm Th mua xe cho vợ chồng T Trang nên chị Trang đã đăng ký sở hữu, chị Trang đề nghị giải quyết theo luật định.

+ 02 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 13 đĩa CD; 21 tờ giấy có chữ ký của Trần Thị Diễm Th và luật sư Phạm Tất Thắng; 11 cuộn băng keo catsett loại nhỏ; 10 simcard và sáu thẻ gắn sim.

Thu giữ của Trần Thị Diễm Th ngày 20/12/2017, Th khai nhận là tài sản cá nhân của Th mua để sử dụng phương tiện liên lạc gồm:

+ 01 điện thoại di động Mobiistar màu vàng có số IMEI 359250224448611 có 02 sim 0921595701, 0921595092 và 01 thẻ nhớ Kingston 2GB;

+ 01 điện thoại di động Mobiistar B217 có số IMEI 35221702240152 có 02 có sim 0917255954, 0903291497 và 01 thẻ nhớ Micro SD4Gb;

+ 01 điện thoại di động Mobiistar B217 có số IMEI 352217022418044 có 02 sim 0917476601, 0968493251 và 01 thẻ nhớ Micro SD2Gb;

+ 01 điện thoại di động Messtel màu đen Fami 2 có số IMEI 353541073314078, 353541073314088 có 02 simcard và 01 thẻ nhớ Toshiba 16Gb;

+ 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu bạc model:AMPAK/AP6234A, mã vạch X205TA-RING-FD027BS.

- Trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị L yêu cầu bồi thường chi phí điều trị thương tích, công việc bị thiệt hại, tổn thất tinh thần và sức khỏe với tổng số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2020/HSST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 48, Điều 49; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 30, 106, Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự;

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Thị Diễm Th phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo: Trần Thị Diễm Th 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 14 (mười bốn) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2017 (thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh từ ngày 29/3/2019 đến ngày 20/01/2020 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ khoản 5 điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định trả tự do cho bị cáo Trần Thị Diễm Th tại phiên tòa nếu bị cáo không phạm tội nào khác.

[2] Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Võ Thị L số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày chị Võ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 02 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 xe máy biển số 54V2-1492, số máy VHLFM152FMH-V347302, số khung RNMWCHSMN7H-007902

- Tịch thu tiêu huỷ : 11 cuộn băng keo catsett loại nhỏ; 10 simcard và 06 thẻ gắn sim.

- Lưu hồ sơ vụ án : 13 đĩa CD và 21 tờ giấy có chữ ký của Trần Thị Diễm Th và luật sư Phạm Tất Thắng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Diễm Th : 01 điện thoại di động Mobiistar màu vàng có số IMEI 359250224448611 có 02 sim 0921595701, 0921595092 và 01 thẻ nhớ Kingston 2GB; 01 điện thoại di động Mobiistar B217 có số IMEI 35221702240152 có 02 có sim 0917255954, 0903291497 và 01 thẻ nhớ Micro

SD4Gb; 01 điện thoại di động Mobiistar B217 có số IMEI 352217022418044 có 02 sim 0917476601, 0968493251 và 01 thẻ nhớ Micro SD2Gb; 01 điện thoại di động Messtel màu đen Fami 2 có số IMEI 353541073314078, 353541073314088 có 02 simcard và 01 thẻ nhớ Toshiba 16Gb; 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu bạc model: AMPAK/AP6234A, mã vạch X205TA-RING-FD027BS (nhưng tạm giữ cho đến khi bị cáo thực hiện xong trách nhiệm dân sự).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 12 năm 2020, bị cáo Trần Thị Diễm Th có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng là 02 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia bản án sơ thẩm tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước và 11 cuộn băng keo catsett loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim, bản án sơ thẩm tuyên tịch thu tiêu hủy.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Thị Diễm Th khai:

Bị cáo đồng ý mức hình phạt và mức tiền bồi thường cho bị hại như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận trong bản bản án việc trong suốt quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm, bị cáo đã nhiều lần có đơn khiếu nại cơ quan tiến hành tố tụng nhưng không được xem xét trả lời.

Bản án sơ thẩm nhận định 02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, là phương tiện liên lạc liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước; 11 cuộn băng keo catsett loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim là vật không còn giá trị, nên tịch thu tiêu hủy là không đúng. Bởi vì bị cáo không dùng 03 chiếc điện thoại trên vào việc phạm tội. Còn 11 cuộn băng catsett loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim là tài sản của bị cáo, nên bị cáo kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm trả lại cho bị cáo những tài sản nêu trên.

- Luật sư Trương Thị Hòa là người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa:

Mặc dù bị cáo không kháng cáo về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm, nhưng hiện tại bị cáo vẫn đang khiếu nại về việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án phúc thẩm việc trong quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm, bị cáo Th đã nhiều lần có đơn khiếu nại cơ quan tiến hành tố tụng nhưng không được xem xét trả lời.

Về kháng cáo của bị cáo:

Bản án sơ thẩm nhận định 02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, là phương tiện liên lạc liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách là chưa có đủ căn cứ, vì bị cáo Th không

thừa nhận hành vi dùng các điện thoại trên liên lạc với các đối tượng khác. Đề nghị Hội đồng xét xử đưa 03 chiếc điện thoại này vào lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 11 cuộn băng catsett loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim bản án sơ thẩm xác định là vật không còn giá trị, nên tịch thu tiêu hủy là không đúng, vì những vật trên được thu giữ tại nhà bị cáo Th, có giá trị sử dụng đối với bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc xét xử vụ án:

Kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra đã chứng minh bị cáo dùng những chiếc điện thoại này để liên lạc với đối tượng Ph và các đối tượng khác trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy án sơ thẩm nhận định 03 chiếc điện thoại là phương tiện liên lạc liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với 11 cuộn băng keo catsett loại nhỏ; 10 simcard và 06 thẻ gắn sim, khi Công an khám xét thu giữ tại nhà bị cáo, nên đây là tài sản của bị cáo, bản án sơ thẩm nhận định là vật không còn giá trị, nên tịch thu tiêu hủy là không đúng, nên chấp nhận kháng cáo, trả lại 11 cuộn băng keo catsett loại nhỏ; 10 simcard và 06 thẻ gắn sim cho bị cáo.

Đối với đề nghị ghi nhận trong bản bản án phúc thẩm việc quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm, bị cáo đã nhiều lần có đơn khiếu nại cơ quan tiến hành tố tụng nhưng không được xem xét trả lời, không thuộc phạm vi kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức:

Ngày 04/12/2020, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Trần Thị Diễm Th về tội “Cố ý gây thương tích”, tại bản án số 135/2020/HSST. Ngày 18/12/2020 bị cáo Th làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, nên đủ điều kiện giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Trần Thị Diễm Th và người bào chữa đề nghị ghi nhận trong bản án phúc thẩm việc quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm, bị cáo đã nhiều lần có đơn khiếu nại cơ quan tiến hành tố tụng nhưng không được xem xét trả lời. Theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự về phạm vi xét xử phúc thẩm thì đề nghị nêu trên của bị cáo và luật sư bào chữa không thuộc phạm vi kháng cáo, nên không có cơ sở chấp nhận.

Theo Bản án sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Diễm Th có hành vi xúi giục, tổ chức cho Lê Hoài Ph thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại Võ Thị L. Quá trình điều tra đã xác định được bị cáo Th đã sử dụng 02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Nokia để liên lạc với Lê Hoài Ph và các đối tượng khác để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy 03 chiếc điện thoại nêu trên là công cụ phương tiện phạm tội. Bản án sơ thẩm tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị cáo Th về việc trả lại 02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho bị cáo, cũng như không có cơ sở lưu trữ vào hồ sơ vụ án 03 chiếc điện thoại nêu trên theo đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Đối với 11 cuộn băng keo catsette loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim được thu giữ khi khám nhà của bị cáo Th. Cơ quan điều tra đã có Quyết định trưng cầu giám định số 426 ngày 04/11/2009, trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định nội dung 11 băng catsette loại nhỏ. Tại văn bản số 958/C21 (P3) Viện khoa học hình sự trả lời:

“Bộ phận giám định âm thanh (Phòng 3 Viện KHHS) có chức năng giám định tiếng nói phục vụ cho công tác điều tra xét xử tội phạm. Trong quá trình giám định, một phần nhỏ nội dung trong các băng, đĩa ghi âm có thể được dịch thành văn bản, xong chỉ để phục vụ cho công tác giám định tiếng nói.

Bộ phận giám định âm thanh thuộc viện không có không có chức năng dịch thành văn bản tất cả nội dung trong các băng đĩa ghi âm. Bộ phận cũng không có chức năng giám định nội dung trong các băng đĩa ghi âm như yêu cầu giám định”.

Bản án sơ thẩm xác định 11 cuộn băng keo catsette loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim là vật không còn giá trị, nhưng không trả cho bị cáo mà tuyên tịch thu tiêu huỷ là chưa phù hợp. Kháng cáo của bị cáo Th xin được trả lại 11 cuộn băng keo catsette loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim là có cơ sở.

Căn cứ vào Biên bản khám xét ngày 31/7/2008 và Phiếu nhập kho vật chứng số 213 ngày 10/11/2008 của Cơ quan điều tra Công an quận Tân Bình thì trong số các vật chứng đã thu giữ tại nhà bị cáo Th, Công an thu giữ 11 cuộn băng catsette loại nhỏ (không có 11 cuộn băng keo catsette loại nhỏ), phù hợp với lời khai của bị cáo Th tại phiên tòa. Bản án sơ thẩm ghi nhận 11 cuộn băng

keo catsette loại nhỏ là chưa chính xác, nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp với vật chứng đã thu giữ.

Qua phân tích nhận định như trên, nhận thấy đã có đủ cơ sở:

Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Diễm Th đối với yêu cầu nhận lại 02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị cáo Trần Thị Diễm Th đối với yêu cầu nhận lại 11 cuộn băng catsette loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Diễm Th đối với vật chứng là 02 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 02 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Diễm Th đối với vật chứng là 11 cuộn băng catsette loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả cho bị cáo Trần Thị Diễm Th 11 cuộn băng catsette loại nhỏ, 10 simcard và 06 thẻ gắn sim.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 173/PNK ngày 08/10/2018 của Công an quận Tân Bình).

[2] Bị cáo Trần Thị Diễm Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nội nh:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Tân Bình; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA quận Tân Bình; (2)
- TAND quận Tân Bình; (2)
- Công an quận Tân Bình; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XT X PHC THM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Lê Công Huân